

Bản án số: 10/2020/DS-PT
Ngày 19-02-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:** Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/02/20120; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn P; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn P1; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Lê Thị L, Luật sư; Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Văn H; có mặt;

2. Bà Trịnh Thị M; có mặt;

3. Chị Hoàng Thị L; vắng mặt;

4. Anh Hoàng Văn Q; vắng mặt;

5. Chị Chu Thị D; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

6. Chị Hoàng Thị S; cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Chị Hoàng Thị K; cư trú tại: Thôn B1, xã T1, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn H, bà Trịnh Thị M, chị Hoàng Thị L, anh Hoàng Văn Q, chị Hoàng Thị S, chị Hoàng Thị K, bà Chu Thị D: Ông Hoàng Văn P; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Chị Hoàng Thị B; vắng mặt;

9. Anh Hoàng Văn T; vắng mặt;

10. Anh Hoàng Văn T1; vắng mặt;

11. Anh Hoàng Văn T2; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T1, anh Hoàng Văn T2: Ông Hoàng Văn P1; cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

12. Anh Hoàng Văn M; vắng mặt;

13. Chị Chu Thị H; vắng mặt;

14. Anh Hoàng Văn T3; vắng mặt;

15. Anh Hoàng Văn L; vắng mặt;

16. Chị Vi Thị P; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

17. Chị Hoàng Thị H; cư trú tại: Số xx, khu N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn P1 là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình ông Hoàng Văn S và bà Trịnh Thị M sinh được 6 người con là Hoàng Văn P1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn H, Hoàng Thị L, Hoàng Thị S, Hoàng Thị K. Năm 1999, ông Hoàng Văn S chết, không để lại di chúc. Năm 2005, ba anh em trai trong gia đình gồm: Hoàng Văn P1, Hoàng Văn P, Hoàng Văn H đã cùng nhau đi chia đất tại thực địa. Sau khi ba anh em chia đất xong, bà Trịnh Thị

M và các anh chị em trong nhà đều nhất trí với kết quả phân chia đất, không ai có ý kiến phản đối, ba anh em đã quản lý, sử dụng ổn định và đã được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ). Đến cuối năm 2009, đầu năm 2010 giữa anh Hoàng Văn P và anh Hoàng Văn P1 xảy ra tranh chấp về đường ranh giới giữa hai thửa đất.

Theo anh Hoàng Văn P trình bày: Năm 2005, anh cùng anh Hoàng Văn P1 và Hoàng Văn H đi phân chia đất trên thực địa, chỉ nói miệng với nhau, không làm văn bản giấy tờ, anh Hoàng Văn P1 đã chỉ ranh giới và dùng cuốc, cuốc đánh dấu làm ranh giới giữa các gia đình, rãnh anh Hoàng Văn P1 cuốc từ đỉnh đồi xuống chân đồi rộng khoảng 20cm. Sau khi được chia đất anh không trồng trọt thêm gì. Năm 2005 anh đã cạo nhựa thông (cây do bố mẹ trồng trước đó) và bán một số cây thông to nhưng không ai có ý kiến gì. Đến năm 2009, khi anh vào rừng thì phát hiện anh Hoàng Văn P1 đã đào một cái rãnh mới lần sâu vào phần đất của anh đang quản lý, sử dụng. Khi phát hiện, anh có nói anh Hoàng Văn P1 nhưng không được còn cho vợ và con đi cạo nhựa thông trên đất của anh. Do vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 288m² và sở hữu các cây trồng có trên đất tranh chấp.

Bị đơn anh Hoàng Văn P1, trình bày: Khi phân chia đất trên thực địa có mặt 03 anh em và cả 03 cùng thống nhất chia quả đồi thành 03 phần, phần đầu là của anh Hoàng Văn P1, phần giữa là của Hoàng Văn P, phần cuối là của Hoàng Văn H, khi phân chia ranh giới có lấy cuốc phân chia đất, chiều dài chỗ cuốc khoảng 4 đến 5m, rộng khoảng 20cm. Sau khi chia đất mọi người sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2010 anh Hoàng Văn P tự ý cuốc rãnh lấn chiếm sang đất nhà anh Hoàng Văn P1 được chia, anh Hoàng Văn P1 biết nhưng không có ý kiến gì, không báo chính quyền địa phương can thiệp giải quyết, khi con trai anh đi cạo nhựa thông thì anh Hoàng Văn P không cho cạo còn xô sát với con trai anh. Nay anh Hoàng Văn P khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp và sở hữu cây trên đất anh không đồng ý, anh yêu cầu được tiếp tục quản lý diện tích đất tranh chấp và sở hữu các cây trồng trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H, bà Trịnh Thị M, chị Hoàng Thị L, anh Hoàng Văn Q, chị Chu Thị D, bà Hoàng Thị S, bà Hoàng Thị K, chị Hoàng Thị H đều có ý kiến thống nhất với ý kiến của anh Hoàng Văn P và cho rằng đất tranh chấp là của anh Hoàng Văn P quản lý, sử dụng cùng các cây trồng trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T1, anh Hoàng Văn T2 đều có ý kiến thống nhất với ý kiến của anh Hoàng Văn P1 và cho rằng đất tranh chấp là của anh Hoàng Văn P1 và các cây trồng có trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn M, chị Chu Thị H, anh Hoàng Văn T3, anh Hoàng Văn L, chị Vi Thị P đều có ý kiến diện tích 13m² đất

tranh chấp và 01 cây thông trên đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh, hiện không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, 90, 98, 100, 166, Luật Đất đai năm 2013; Điều 160, 161, 163, 189, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh Hoàng Văn P cụ thể: Anh Hoàng Văn P được quản lý sử dụng 254m² đất (ABCDEQHIKLMNOP) thuộc một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 05, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01694 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P. Khu đất có ranh giới tiếp giáp và kích thước các cạnh như sau:

- Phía Bắc giáp đất anh Hoàng Văn P, một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có các cạnh 17,8m + 14,6m + 25,9m + 13,4m; giáp đất anh Hoàng Văn P1, một phần thửa số 62, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có kích thước cạnh 10,4m; giáp đất anh Hoàng Văn M, một phần thửa số 80, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Tú Mịch có kích thước cạnh 6,8m

- Phía Đông giáp đường đất có cạnh dài 1,7m

- Phía Tây giáp khe ruộng nhà ông Nhâm có cạnh dài 0,9m

- Phía Nam giáp đất anh Hoàng Văn P, một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Tú Mịch có các cạnh dài 15,2m + 10,7m + 8,7m + 13,1m + 24,9m + 14,1m

1.2. Anh Hoàng Văn P1 được quản lý sử dụng 21m² (EFQ) đất có tranh chấp thuộc một phần thửa số 62, tờ bản đồ số 05, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01793 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P1. Diện tích đất có ranh giới tiếp giáp và kích thước các cạnh như sau:

- Cạnh giáp đất anh Hoàng Văn P1, một phần thửa số 62, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có kích thước cạnh EF = 12,7m

- Cạnh giáp đất anh Hoàng Văn M, một phần thửa số 80, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có kích thước cạnh QF = 4,4m

- Cạnh giáp đất anh Hoàng Văn P, một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có các cạnh dài EQ = 10,4m

1.3 Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn P1 yêu cầu quản lý sử dụng 254m² thuộc một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 5, bản đồ địa chính đất lâm

nghiệp xã T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01694 ngày 15/6/2011 cho anh Hoàng Văn P.

2. Về tài sản trên đất:

2.1. Anh Hoàng Văn P được quản lý, sở hữu 11 cây Thông có đường kính gốc từ 10-20cm, giá 70.000đ/cây, 01 cây Thông có đường kính gốc từ 20-30cm, giá 117.000đ/cây; 03 cây Thông có đường kính gốc trên 30cm, giá 255.000đ/cây và 02 cây Trám có đường kính gốc từ 05 - 10cm giá 110.000đ/cây. 15 cây Thông và 02 cây Trám đều thuộc thửa số 68, tờ bản đồ số 05 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01694 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P.

2.2. Anh Hoàng Văn P1 được quản lý, sở hữu 01 cây Thông đường kính gốc 5-10cm thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 05 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH01793 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P1.

3. Về chi phí thẩm định: Anh Hoàng Văn P1 phải chịu 14.500.000đồng, chi phí thẩm định, định giá, đo đạc. Anh Hoàng Văn P1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Văn P 14.500.000đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ chậm trả, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn anh Hoàng Văn P1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm công nhận quyền quản lý, sử dụng 254m², thuộc thửa 62, đôi N, thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu 15 cây thông, 02 cây trám trên đất tranh chấp và không đồng ý chịu tiền chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Hoàng Văn P1 giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 254m² và sở hữu toàn bộ 15 cây Thông, 02 cây Trám trên đất tranh chấp, không chấp nhận chịu chi phí tố tụng số tiền 14.500.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự tại phiên tòa thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn P1. Tuy nhiên do các đương sự là anh em ruột nên thương lượng thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc. Trường hợp không thỏa thuận được đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kháng cáo của anh Hoàng Văn P1 trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa xác định đất tranh chấp 254m², thuộc một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L; địa danh: Đồi N, thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân huyện L cấp GCNQSDĐ số CH 01694 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P. Đất có nguồn gốc là của bố mẹ để lại. Năm 2005 anh Hoàng Văn P1, Hoàng Văn Panh, Hoàng Văn H đã tự phân chia, trên đất có các cây trồng do bố mẹ trồng từ trước. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của những người là chứng phù hợp với lời khai của anh Hoàng Văn P về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng. Do vậy, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn P, giao cho anh Hoàng Văn P được quản lý, sử dụng 254m² đất và buộc anh Hoàng Văn P1 phải chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng là có cơ sở.

Quá trình giải quyết cấp sơ thẩm có một số vi phạm là theo đơn khởi kiện ban đầu anh Hoàng Văn P khởi kiện khoảng 500m² đất tranh chấp và 19 cây Thông trên đất. Tại cấp sơ thẩm, anh Hoàng Văn P yêu cầu được quản lý, sử dụng 254m², trên đất có 15 cây thông và 02 cây Trám. Tuy nhiên, đối với diện tích đất 21m², thuộc thửa 62 và 13m², thuộc thửa số 80 anh Hoàng Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ giải quyết nhưng lại tuyên giao anh Hoàng Văn P1 được quản lý, sử dụng 21m² là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết anh Hoàng Văn P1 không có yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm lại tuyên anh Hoàng Văn P1 được quyền quản lý, sử dụng 21m² đất tranh chấp và 01 cây Thông; không chấp nhận yêu cầu quản lý, sử dụng 254m² đất thuộc một phần thửa 68 là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn P1, sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của anh Hoàng Văn P1 đề ngày 11/11/2019 nộp trong thời hạn luật định, kháng cáo hợp lệ.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, họ đã có lời khai, bản tự khai hoặc văn bản ủy quyền tham gia tố tụng; những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai, xét thấy việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ trong việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Văn P1, thấy rằng: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn S và bà Trịnh Thị M (là bố, mẹ đẻ của anh Hoàng Văn P và anh Hoàng Văn P1) khai phá từ trước. Năm 2005, anh Hoàng Văn P, anh Hoàng Văn P1 và anh Hoàng Văn H tự đi phân chia đất ngoài thực địa. Sau khi chia ba anh em đã quản lý, sử dụng ổn định, không có

tranh chấp và đều đã được cấp GCNQSDĐ. Ranh giới đất giữa đất của anh Hoàng Văn P và anh Hoàng Văn P1 được ngăn cách bởi một đường rãnh đào từ đỉnh đồi xuống chân đồi rộng khoảng 20cm. Năm 2010 xảy ra tranh chấp do anh Hoàng Văn P1 đã tự ý đào một đường rãnh mới lần sâu vào phần đất của anh Hoàng Văn P đã được chia từ trước để làm ranh giới. Khi phát hiện, anh Hoàng Văn P có bảo anh Hoàng Văn P1 dừng lại để thực hiện theo đường ranh giới cũ nhưng anh Hoàng Văn P1 không nghe còn cho vợ, con tiếp tục đi cạo nhựa thông trên đất tranh chấp được chia cho anh Hoàng Văn P nên đã xảy ra xô sát giữa hai bên.

[4] Theo lời khai của anh Hoàng Văn H là người cùng trực tiếp ra thực địa phân chia đất xác nhận việc anh Hoàng Văn P1 đào thêm một rãnh mới lần chiếm sang phần đất của anh Hoàng Văn P đã được chia từ trước; lời khai của anh Hoàng Văn H phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Hoàng Văn C, bà Hoàng Thị L1, anh Hoàng Văn L đều xác định ranh giới giữa đất của anh Hoàng Văn P và anh Hoàng Văn P1 là rãnh cũ đã bị anh Hoàng Văn P1 lấp đi một phần. Còn rãnh mới là do anh Hoàng Văn P1 tự ý đào lần chiếm sang phần đất của anh Hoàng Văn P.

[5] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/9/2019 và mảnh trích đo địa chính sơ họa thửa đất của Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn ngày 10/10/2019, xác định: Diện tích đất tranh chấp là 288m² (trong đó 254m² thuộc một phần thửa đất số 68, tờ bản đồ số 05 được cấp GCNQSDĐ số CH01694 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P; 21m² thuộc một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 05 được cấp GCNQSDĐ CH01793 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P1; 13m² thuộc một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ số 05 được cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn M). Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh Hoàng Văn P thay đổi nội dung khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện; yêu cầu Tòa án công nhận quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 254m², không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất 21m², thuộc thửa 62 và 13m², thuộc thửa số 80. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết công nhận quyền sử dụng đất 254m² cho gia đình anh Hoàng Văn P là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại giải quyết cho anh Hoàng Văn P1 được quản lý, sử dụng diện tích đất 21m², thuộc thửa 62 là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đình chỉ giải quyết 13m², thuộc thửa số 80 của hộ ông Hoàng Văn M là thiếu sót.

[6] Về tài sản trên đất: Cả hai bên đương sự đều xác định trên đất tranh chấp có 15 cây Thông và 02 cây Trám do bố mẹ trồng từ trước. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên cấp sơ thẩm giao cho anh Hoàng Văn P được quyền sở hữu 15 cây Thông và 02 cây Trám là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ bản án dân sự của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; sửa về phần lời tuyên của bản án cho phù hợp.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Hoàng Văn P tạm ứng trước số tiền 14.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn P được chấp nhận nên không phải chịu, cấp sơ thẩm buộc anh Hoàng Văn P1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và buộc anh Hoàng Văn P1 phải trả lại cho anh Hoàng Văn P số tiền 14.500.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận; đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Hoàng Văn P1 được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn P1; giữ nguyên nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, 90, 98, 100, 166, Luật Đất đai năm 2013; Điều 160, 161, 163, 189, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Hoàng Văn P được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 254m², thuộc một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 05, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện L; địa danh: Đồi N, Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01694 ngày 15/6/2011 cho gia đình anh Hoàng Văn P. Khu đất được thể hiện trên sơ họa thửa đất (ABCDEQHIKLMNOP), có ranh giới tiếp giáp và kích thước các cạnh như sau:

- Phía Bắc giáp đất anh Hoàng Văn P, một phần thửa số 68 tờ bản đồ số 5 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có các cạnh 17,8m + 14,6m + 25,9m +

13,4m; giáp đất anh Hoàng Văn P1, một phần thửa số 62 tờ bản đồ số 5 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có kích thước cạnh 10,4m; giáp đất anh Hoàng Văn M, một phần thửa số 80 tờ bản đồ số 5 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có kích thước cạnh 6,8m

- Phía Đông giáp đường đất có cạnh dài 1,7m

- Phía Tây giáp khe ruộng nhà ông N có cạnh dài 0,9m

- Phía Nam giáp đất anh Hoàng Văn P, một phần thửa số 68, tờ bản đồ số 05 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T có các cạnh dài 15,2m + 10,7m + 8,7m + 13,1m + 24,9m + 14,1m.

(Có mảnh trích đo địa chính sơ họa thửa đất của Trung tâm công nghệ thông tin, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn ngày 10/10/2019 kèm theo).

2. Về tài sản trên đất: Anh Hoàng Văn P được quyền sở hữu 15 cây Thông và 02 cây Trám trên diện tích đất tranh chấp 254m².

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện diện tích 34m² (trong đó 21m², thuộc thửa 62 và 13m² thuộc thửa số 80), do anh Hoàng Văn P rút yêu khởi kiện.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Hoàng Văn P1 phải chịu 14.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá, đo đạc. Anh Hoàng Văn P1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Văn P 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Hoàng Văn P có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Hoàng Văn P1 chậm trả tiền thì phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí dân sự: Bị đơn anh Hoàng Văn P1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Lộc Bình, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự; người BVQL của đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

Hồ Đức Châm